

**CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO, ĐIỀU CHỈNH VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐKH ngày tháng 3 năm 2024 của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>161.132</b>	<b>161.132</b>	<b>89.314</b>	<b>42.537</b>	<b>12.122</b>	<b>17.059</b>	<b>100</b>
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	-	-	-	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>161.132</b>	<b>161.132</b>	<b>89.314</b>	<b>42.537</b>	<b>12.122</b>	<b>17.059</b>	<b>100</b>
<b>B1</b>	<b>VỐN TRONG NƯỚC</b>	<b>56.192</b>	<b>56.192</b>	<b>23.486</b>	<b>20.104</b>	<b>12.122</b>	<b>380</b>	<b>100</b>
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340 KHOẢN 341)</b>	<b>9.030</b>	<b>9.030</b>	<b>8.930</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>100</b>
<b>1.1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>8.470</b>	<b>8.470</b>	<b>8.470</b>	-	-		-
a	Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	6.600	6.600	6.600				
b	Chi thường xuyên theo biên chế	1.600	1.600	1.600				
	<i>Trong đó đã bao gồm mua sắm thay thế, sửa chữa</i>	-	-					
c	Chi thường xuyên bổ sung theo KH nhiệm vụ hàng năm	270	270	270	-	-		-
	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật</i>	120	120	120				
	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn	60	60	60				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật)	60	60	60				
	<i>Thanh tra, kiểm tra</i>	<i>150</i>	<i>150</i>	<i>150</i>				
<b>1.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>560</b>	<b>560</b>	<b>460</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>100</b>
	Hoạt động điều phối thực hiện các điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn	100	100	100				
	Hoạt động điều phối thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu	200	200	200				
	Văn phòng Phân ban Việt Nam - Hà Lan	160	160	160				
	Văn phòng UBQG về biến đổi khí hậu	100	100					100
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHCN (LOẠI 100 KHOẢN 103)</b>	<b>5.225</b>	<b>5.225</b>	<b>75</b>	<b>2.700</b>	<b>2.450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2.1</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2.2</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ</b>	<b>5.150</b>	<b>5.150</b>	<b>0</b>	<b>2.700</b>	<b>2.450</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	TNMT.2022.02.23:Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn kiểm kê phát thải khí mê-tan bậc cao nhất từ bãi chôn lấp chất thải rắn góp phần tăng cường độ chính xác trong kiểm kê quốc gia khí nhà kính	1.200	1.200			1.200		
2	TNMT.2022.02.24:Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn kiểm kê hấp thụ CO2 của cỏ biển ven bờ phục vụ việc kiểm kê khí nhà kính quốc gia	1.250	1.250			1.250		
3	TNMT.885.08:Nghiên cứu xác định các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho khu vực Tây Nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu và đề xuất giải pháp tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ chuỗi khối.	2.000	2.000		2.000			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
4	TNMT.ĐL.2024.05:Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng ở khu vực Tây Bắc Bộ	700	700		700			
<b>2.3</b>	<b>Đề tài cấp cơ sở</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2.4</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN khác</b>	<b>75</b>	<b>75</b>	<b>75</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	75	75	75				
<b>III</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ( LOẠI 280 KHOẢN 332)</b>	<b>2.547</b>	<b>2.547</b>	<b>1.897</b>	<b>203</b>	<b>447</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>3.1</b>	<b>Nhiệm vụ đặc thù</b>	<b>1.300</b>	<b>1.300</b>	<b>650</b>	<b>203</b>	<b>447</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu	350	350		203	147		
2	Chương trình quốc gia về bảo vệ tầng ô-dôn	300	300			300		
3	Thông tin về biến đổi khí hậu phục vụ công tác quản lý	300	300	300				
4	Báo cáo lượng tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính theo Nghị định thư Montreal	350	350	350				
<b>3.2</b>	<b>Nhiệm vụ chuyên môn</b>	<b>1.077</b>	<b>1.077</b>	<b>1.077</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	1.077	1.077	1.077				
<b>3.3</b>	<b>Đối ứng dự án ODA</b>	<b>170</b>	<b>170</b>	<b>170</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Hỗ trợ lên kế hoạch và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định tại Việt Nam (SPI-NDC)	170	170	170				
<b>IV</b>	<b>SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (LOẠI 250 KHOẢN 272)</b>	<b>39.390</b>	<b>39.390</b>	<b>12.584</b>	<b>17.201</b>	<b>9.225</b>	<b>380</b>	<b>0</b>
<b>4.1</b>	<b>Nhiệm vụ đặc thù</b>	<b>17.615</b>	<b>17.615</b>	<b>10.058</b>	<b>5.121</b>	<b>2.436</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về danh mục cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính tại Việt Nam	2.436	2.436			2.436		
2	Nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon theo cam kết tại COP26	4.565	4.565	4.565				
3	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam về giảm phát thải khí mê-tan	4.493	4.493	4.493				
4	Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu và Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia và cập nhật thông tin, quản lý cơ sở dữ liệu về thích ứng với biến đổi khí hậu	1.000	1.000	1.000				
5	Kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia	3.121	3.121		3.121			
6	Kiểm kê khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải	2.000	2.000		2.000			
<b>4.2</b>	<b>Nhiệm vụ chuyên môn</b>	<b>19.724</b>	<b>19.724</b>	<b>1.055</b>	<b>11.880</b>	<b>6.789</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng Báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	726	726	248	478			
2	Khảo sát, đánh giá quy định và hiện trạng thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quốc tế tại Việt Nam, đề xuất cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon	705	705			705		
3	Đánh giá hiện trạng thực hiện giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực chất thải và đề xuất Kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm khí mê-tan trong lĩnh vực chất thải đến năm 2030	1.910	1.910		1.910			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
4	Khảo sát, đánh giá hiện trạng quản lý, sử dụng các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal và hướng dẫn thực hiện loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát tại Việt Nam	1.500	1.500	416		1.084		
5	Đánh giá một số mô hình quản lý, vận hành thị trường các-bon trên thế giới và đề xuất các quy định quản lý, vận hành thị trường các-bon tại Việt Nam	2.000	2.000	391	1.609			
6	Đánh giá mức độ hấp thụ và phát thải khí nhà kính từ rừng phục vụ giám sát lượng hấp thụ/phát thải khí nhà kính cho mục tiêu Đóng góp do quốc gia tự quyết định	5.000	5.000			5.000		
7	Điều tra, khảo sát, đánh giá các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào tự nhiên, hệ sinh thái và cộng đồng tại Việt Nam, đề xuất giải pháp nhân rộng	2.883	2.883		2.883			
8	Điều tra, đánh giá và đề xuất các mô hình, giải pháp phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu cho khu vực miền núi phía Bắc và duyên hải miền Trung	5.000	5.000		5.000			
<b>4.3</b>	<b>Đối ứng dự án ODA</b>	<b>2.051</b>	<b>2.051</b>	<b>1.471</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>380</b>	<b>0</b>
1	Xây dựng thông báo quốc gia lần thứ tư của Việt Nam cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu	15	15	15				
2	Xây dựng Báo cáo minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất của Việt Nam gửi Công ước Khung của LHQ về biến đổi khí hậu (BTR1)	100	100	100				
3	Triển khai thực hiện thị trường các-bon ở Việt Nam (VN-PMI)	340	340	340				
4	Quản lý bền vững các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal tại Việt Nam (SMS-MP)	401	401	401				

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
5	Hỗ trợ Việt Nam thực hiện Thỏa thuận Paris (VN-SIPA) giai đoạn 2	615	615	615				
6	Nâng cao năng lực thể chế và sự tham gia của cộng đồng trong công tác ứng phó biến đổi khí hậu lấy trẻ em làm trung tâm	200	200		200			
7	Nâng cao năng lực quản lý dữ liệu và thông tin báo cáo phù hợp với yêu cầu Khung minh bạch tăng cường của thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (CBIT)	380	380				380	
<b>B2</b>	<b>VỐN NGOÀI NƯỚC</b>	<b>104.940</b>	<b>104.940</b>	<b>65.828</b>	<b>22.433</b>	-	<b>16.679</b>	-
<b>I</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ</b>	<b>2.473</b>	<b>2.473</b>	<b>2.473</b>	-	-	-	-
	Tăng cường năng lực thực hiện Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn và Bản sửa đổi, bổ sung Kigali ở Việt Nam (ISP)	2.473	2.473	2.473				
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>	<b>102.467</b>	<b>102.467</b>	<b>63.355</b>	<b>22.433</b>	-	<b>16.679</b>	-
1	Xây dựng thông báo quốc gia lần thứ tư của Việt Nam cho Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu	3.311	3.311	3.311				
2	Xây dựng Báo cáo minh bạch hai năm một lần lần thứ nhất của Việt Nam gửi Công ước Khung của LHQ về biến đổi khí hậu (BTR1)	6.680	6.680	6.680				
3	Triển khai thực hiện thị trường các-bon ở Việt Nam (VN-PMI)	43.427	43.427	43.427				
4	Quản lý bền vững các chất được kiểm soát theo Nghị định thư Montreal tại Việt Nam (SMS-MP)	9.937	9.937	9.937				
5	Nâng cao năng lực thể chế và sự tham gia của cộng đồng trong công tác ứng phó biến đổi khí hậu lấy trẻ em làm trung tâm	22.433	22.433		22.433			

TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng	Trung tâm Ứng phó BĐKH	Trung tâm Phát triển các-bon thấp	Ban quản lý dự án CBIT	Văn phòng UBQG về BĐKH
6	Nâng cao năng lực quản lý dữ liệu và thông tin báo cáo phù hợp với yêu cầu Khung minh bạch tăng cường của thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu (CBIT)	16.679	16.679				16.679	